TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2020/DS-PT
Ngày: 09-7-2020
"V/v Tranh chấp dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị T5 Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 267/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 260/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1976;

1.2. Chị Ngô Thị Tuyết L, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ cư trú: Đường N.Q, khóm A, phường A.T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Chị Ngô Thị Nu E, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: Khóm A.L, phường A.L, thị xã H, Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1961;

2.2. Chị Nguyễn Thị T5 (T), sinh năm 1982;

2.3. Anh Nguyễn Phúc H4 (tên gọi khác: T6), sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường A.T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn là Luật sư Lê Văn L1- Văn phòng Luật sư Lê L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: B V.V.K, phường A.T, thị xã H, Đồng Tháp;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lâm Thị C (Mẹ của M), sinh năm 1950;

3.2. Trần Văn T2 (Chồng của M), sinh năm 1972;

3.3. Đặng Bé T3 (T3 chuộc), sinh năm 1981;

3.4. Lê Tuấn K, sinh năm 1990;

3.5. Lê Tuấn K1, sinh năm 1994;

3.6. Lê Nguyễn N1 (N1 Địa), sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường A.T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp L.B, xã L.K B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Nu E, chị Ngô Thị Tuyết L (Là các nguyên đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Các nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Nu E, chị Ngô Thị Tuyết L cùng trình bày:

+ Ý kiến của chị Ngô Thị Tuyết M: Ngày 07/11/2008, chị bán cá tại chợ thị xã H thì phát sinh tranh chấp với nhóm bà T1 gồm: Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5 (con bà T1), Nguyễn Phúc H4 (con rể bà T1), Đặng Bé T3, Lê Tuấn K1, Lê Tuấn K. Bà T1 chủ mưu để cho H4 đè đầu xuống và T5 dùng cây săn vuông đánh liên tiếp vào đầu chị gây thương tích, sau đó chị được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện thị

xã H. Nay chị yêu cầu Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Phúc H4, Đặng Bé T5, Lê Tuấn K1, Lê Tuấn K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị tiền thuốc 2.624.900 đồng, tiền công lao động 14.000.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh là 600.000 đồng, chi phí ăn uống tại bệnh viện của 02 người là 960.000đồng, tiền xe 50.000đồng, tiền tổn thất tinh thần 5.000.000đồng, tổng cộng số tiền là 23.234.900 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Phúc H4 yêu cầu chị Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho anh H4 với số tiền tổng cộng là 22.512.000 đồng thì chị không thống nhất bồi thường do chị không liên quan đến việc gây thương tích cho anh H4. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

+ Ý kiến của chị Ngô Thị Tuyết L: Ngày 07/11/2008, chị bán cá tại chợ thị xã H thì nảy sinh tranh chấp với nhóm bà T1 gồm: Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Phúc H4, Đặng Bé T5, Lê Tuấn K1, Lê Tuấn K. Bà T1 chủ mưu để cho T5 (Chuột) dùng xe đạp nhỏ đánh vào chân phải của chị, làm chân chị bị gãy. Tuấn K dùng tay không đánh vào miệng, chị bị bể môi và được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện thị xã H. Nay chị yêu cầu Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Phúc H4, Đặng Bé T5, Lê Tuấn K1, Lê Tuấn K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị tiền thuốc 3.239.500 đồng, tiền công lao động 14.400.000 đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh là 650.000 đồng, chi phí ăn uống tại bệnh viện của 02 người là 1.040.000 đồng, tiền xe 50.000đồng, tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 29.237.500 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Phúc H4 yêu cầu chị Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Nu E phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho anh H4 với số tiền tổng cộng là 22.512.000 đồng thì chị không thống nhất bồi thường do chị không liên quan đến việc gây thương tích cho anh H4. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

+ Ý kiến của chị Ngô Thị Nu E: Ngày 07/11/2008, chị bán cá tại chợ thị xã Hồng Ngự thì phát sinh tranh chấp với nhóm bà T1 gồm: Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Phúc H4, Đặng Bé T5, Lê Tuấn K1, Lê Tuấn K. Bà T1 chủ mưu để cho T5 cầm cái ghế đánh trúng vào đầu chị gây thương tích, sau đó chị không biết là Tuấn K1 hay Tuấn K cầm cục đá tiếp tục đánh vào đầu chị, chị bị bể đầu và được anh T7 (T cá) đưa đi bệnh viện cấp cứu. Nay chị yêu cầu Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Phúc H4, Đặng Bé T5, Lê Tuấn K1, Lê Tuấn K có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị tiền thuốc 2.368.600 đồng, tiền công lao động 900.000đồng, tiền

công lao động của người nuôi bệnh là 650.000đồng, chi phí ăn uống tại bệnh viện của 02 người là 1.040.000đồng, tiền xe 70.000đồng, tiền tổn thất tinh thần 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 10.028.600 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Phúc H4, yêu cầu chị Ngô Thị Nu E, Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho anh H4 với số tiền tổng cộng là 22.512.000 đồng thì chị không thống nhất bồi thường do chị không liên quan đến việc gây thương tích cho anh H4. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

- Các bị đơn bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4 cùng trình bày:

+ Ý kiến của bà Lê Thị T1: Ngày 07/11/2008, bà bán cá tại chợ thị xã H thì phát sinh tranh chấp với nhóm bà M, hai bên xảy ra sự việc đánh nhau, bên bà gồm có: Bà, T5, H4, Tuấn K, N1 Địa, Bé T5. Bên nhóm bà M gồm có: M, L, Nu E và 01 người con của Nu E (không biết tên), chồng Nu E (không biết tên), chồng M (không biết tên). Hậu quả của việc đánh nhau là H4 (con bà) bị thương tích nghiêm trọng, ngoài ra, không ai bị thương tích gì cả. Tuy nhiên, bà không trực tiếp đánh gây thương tích cho ai cả. Qua yêu cầu của Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E, bà không thống nhất bồi thường do đây là sự việc đánh nhau giữa hai bên, bà không trực tiếp gây thương tích cho ai cả, không phải lỗi của bên phía bà. Qua yêu cầu phản tố của H4, bà thống nhất, đề nghị Tòa án buộc Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho con bà là H4 với số tiền tổng cộng là 22.512.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

+ Ý kiến của chị Nguyễn Thị T5: Thống nhất với lời trình bày của bà T1, ngoài ra không trình bày gì thêm. Qua yêu cầu của Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E chị không thống nhất bồi thường. Qua yêu cầu phản tố của H4 chị thống nhất, đề nghị Tòa án buộc Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho chồng chị là H4 với số tiền tổng cộng là 22.512.000 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

+ Ý kiến của anh Nguyễn Phúc H4: Thống nhất với lời trình bày của bà T1. Ngày 07/11/2008, anh đến chợ cá thị xã H phụ dọn dẹp và rước vợ anh là T5 thì thấy mẹ anh là bà T1, vợ anh là T5 và nhóm bà M đang cự cãi qua lại và xảy ra đánh nhau, anh thấy vậy liền nhảy vào can ngăn thì bị Nu E dùng cây kéo bán cá đâm liên

tiếp khắp người anh khoảng 07 nhát, anh bất tỉnh được mọi người đưa đi cấp cứu, anh không hề gây thương tích hay đánh ai như chị M, chị L, chị Nu E đã trình bày, ngược lại Nu E là người trực tiếp gây thương tích cho anh, Tuyết M và Tuyết L là đồng phạm gây thương tích cho anh với tỷ lệ thương tật là 11%, vụ việc xử lý hình sự về tội cố ý gây thương tích cho anh trước đây Công an thị xã H khởi tố điều tra, nhưng đã đình chỉ điều tra vào tháng 11 năm 2018. Qua yêu cầu của Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E, anh không thống nhất bồi thường do anh không gây thương tích cho ai cả.

Đồng thời, anh có yêu cầu phản tố yêu cầu chị Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho anh tiền thuốc là 2.872.000đồng, tiền xe 4.200.000đồng, tiền ăn và bồi dưỡng là 500.000 đồng, tiền công lao động là 1.500.000đồng, tiền công lao động của người nuôi bệnh là 1.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 20.072.000 đồng. Sau đó, anh có yêu cầu phản tố bổ sung yêu cầu thêm khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe thời gian 30 ngày sử dụng 02 hộp sữa Ensure mỗi hộp 470.000 đồng x 2 = 940.000 đồng và tiền thịt cá rau xanh mỗi ngày 50.000đ x 30 ngày = 1.500.000 đồng. Thành tiền 02 khoản là 2.440.000 đồng. Vậy tổng cộng anh yêu cầu Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L và Ngô Thị Nu E bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh với tổng số tiền là 22.512.000 đồng. Ngoài ra,anh không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 604, 605 và 609 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và cá Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E.

Buộc nhóm bà T1 (gồm bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1 tên gọi khác là N1 địa, anh

Đặng Bé T5) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E như sau:

- Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho chị Ngô Thị Tuyết M tổng số tiền là 5.742.060 đồng, làm tròn 5.742.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho chị Ngô Thị Tuyết L tổng số tiền là 7.791.600 đồng, làm tròn 7.792.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho chị Ngô Thị Nu E tổng số tiền là 5.434.600 đồng.

Kể từ ngày chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L và chị Ngô Thị Nu E có đơn yêu cầu thi hành án, mà nhóm bà T1 (gồm bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1 (N1 địa), anh Đặng Bé T5) chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản do các nguyên đơn tự nguyện rút.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Phúc H4.

Buộc nhóm chị M (gồm chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E) liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Phúc H4 các khoản chi phí tổng cộng là 14.282.000 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Phúc H4 có đơn yêu cầu thi hành án, mà nhóm chị M (gồm chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E) chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Bản án được thi hành ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật dân sự mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc nhóm chị M (gồm chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E) phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 714.100 đồng (làm tròn 714.000 đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai số 009102 ngày 16 tháng 11 năm 2011 (của Ngô Thị Tuyết M),

biên lai số 009104 ngày 17 tháng 11 năm 2011 (của Ngô Thị Tuyết L) và biên lai số 009105 ngày 17 tháng 11 năm 2011 (của Ngô Thị Nu E). Chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 114.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

- Buộc nhóm bà T1 (gồm bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, anh Đặng Bé T5) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 948.430 đồng, làm tròn 948.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

- Bà Lâm Thị C, anh Trần Văn T2, anh Nguyễn Văn T2 đều không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, các nguyên đơn Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn Ngô Thị Tuyết M, Ngô Thị Tuyết L, Ngô Thị Nu E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Phúc H4 đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn Nguyễn Phúc H4, Lê Thị T1, Nguyễn Thị T5 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử và phía các bị đơn đơn đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa ngày 09/7/2020, các đương sự có mặt tại phiên tòa. Riêng đối với các bị đơn bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C, anh Trần Văn T2, anh Nguyễn Văn T2, anh Lê Tuấn K, Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1 (N1 địa), anh Đặng Bé T5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo nội dung đơn kháng cáo:

- Chị Ngô Thị Tuyết M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc bà Lê Thị T1, chị Lê Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, Đặng Bé T5 cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị M số tiền 23.234.900 đồng. Bà M không đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Phúc H4. Vì bà M cho rằng thương tích của chị M là do nhóm của bà T1 gây ra và bà M không có gây thương tích cho anh H4.

- Chị Ngô Thị Tuyết L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc bà Lê Thị T1, chị Lê Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, Đặng Bé T5 cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị L số tiền 29.237.500 đồng. Chị L không đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh H4. Vì chị L cho rằng thương tích của chị L là do nhóm của bà T1 gây ra và chị L không có gây thương tích cho anh H4.

- Chị Ngô Thị Nu E kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc bà Lê Thị T1, chị Lê Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, Đặng Bé T5 cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Nu E số tiền 10.028.600 đồng. Chị Nu E không đồng ý bồi thường thiệt hại

về sức khỏe cho anh H4. Vì chị Nu E cho rằng thương tích của chị Nu E là do nhóm của bà T1 gây ra và chị Nu E không có gây thương tích cho anh H4.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của các nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L và chị Ngô Thị Nu E là không có căn cứ nên không được chấp nhận; bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tại thời điểm xảy ra vụ việc đánh nhau giữa nhóm của chị M với nhóm của bà T1, thì không có nhóm nào khác đánh nhau với nhóm của chị M và nhóm của bà T1; Các thương tích của hai nhóm là do hai nhóm đánh nhau gây ra, không có nhóm nào khác gây ra. Đồng thời, người làm chứng tên Nguyễn Minh T7 khai "Có chứng kiến trực tiếp việc đánh nhau giữa nhóm của bà T1 với nhóm của chị M, còn thương tích của chị M, chị Nu E, chị L và anh H4 thì không biết người nào gây ra và tại thời điểm đánh nhau thì không có nhóm nào khác đánh nhau với nhóm của chị M, nhóm của bà T1". Như vậy, có đủ chứng cứ chứng minh thương tích của chị M, chị Nu E và chị L là do nhóm của bà T1 gây ra phù hợp với bản giám định pháp y số: 43/GĐPY đề ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận thương tích của chị Nu E là 03 %, xếp loại thương tật vĩnh viễn; Bản giám định pháp y số: 44/GĐPY đề ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận thương tích của chị M là 02%, xếp loại thương tật vĩnh viễn; Bản giám định pháp y số: 65/GĐPY đề ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận thương tích của chị L là 10%, xếp loại thương tật vĩnh viễn. Đồng thời, có đủ chứng cứ chứng minh thương tích của anh Nguyễn Phúc H4 theo kết luận giám định tỷ lệ thương tật 11% là do nhóm của chị M, chị L, chị Nu E gây ra. Như vậy cho thấy thương tích của chị M, chị L, chị Nu E và thương tích của anh H4 là do hai nhóm của bà M và nhóm của bà T1 gây ra. Do không xác định được đối tượng là người nào gây thương tích cho người nào nên không thể tách ra từng người chịu trách nhiệm liên đới đối với người bị gây thương tích, vì có nguyên nhân mới dẫn đến hậu quả, hậu quả xảy ra không phân hóa được vai trò của từng người gây ra thiệt hại nên cần phải xem xét nhóm người chịu trách nhiệm gây ra. Vì vậy, những người có mặt tham gia đánh nhau giữa hai nhóm phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho nhau là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005 và được quy định tương ứng khoản 1 Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định.

Như vậy, chi phí hợp lý mà nhóm của bà M và nhóm của bà T1 phải bồi thường như sau:

- Chi phí điều trị hợp lý của chị M là 5.742.060 đồng. Do đó, buộc nhóm của bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà M theo chứng từ hợp lý với số tiền là 5.742.060 đồng (làm tròn 5.742.000 đồng) như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

- Chi phí điều trị hợp lý của chị L là 7.791.600 đồng. Do đó, buộc nhóm của bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị L theo chứng từ hợp lý với số tiền là 7.791.600 đồng (làm tròn 7.792.000 đồng) như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

- Chi phí điều trị hợp lý của chị Nu E là 5.434.600 đồng. Do đó, buộc nhóm của bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà M theo chứng từ hợp lý với số tiền là 5.434.600 đồng như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Phúc H4 yêu cầu chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác cho anh H4 với tổng số tiền là 22.512.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án thị xã H đã tuyên xử buộc nhóm của chị M, chị L, chị Nu E bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh H4 theo hóa đơn, chứng từ hợp lý với số tiền là 14.282.000 đồng, anh H4 không kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm anh H4 đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử buộc nhóm của chị M, chị L, chị Nu E phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh H4 theo hóa đơn, chứng từ hợp lý với số tiền 14.282.000 đồng như án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L và chị Ngô Thị Nu E và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của chị M, chị L và chị Nu E, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã H đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Về án phí:

- Do nhóm của bà M và nhóm bà T1 bị buộc thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Chị M, chị L và chị Nu E thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án chưa đúng theo quy định của pháp luật nên phải sửa lại cách tuyên án cho đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 609, Điều 616 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L và chị Ngô Thị Nu E.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E.

3.1. Buộc nhóm của bà Lê Thị T1 gồm: Bà Lê Thị T1 chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, anh Đặng

Bé T5 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Ngô Thị Tuyết M tổng số tiền là 5.742.060 đồng (làm tròn 5.742.000 đồng).

3.2. Buộc nhóm của bà Lê Thị T1 gồm: Bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, anh Đặng Bé T5 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Ngô Thị Tuyết L tổng số tiền là 7.791.600 đồng (làm tròn 7.792.000 đồng).

3.3. Buộc nhóm của bà Lê Thị T1 gồm: Bà Lê thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, anh Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1, anh Đặng Bé T5 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Ngô Thị Nu E tổng số tiền là 5.434.600 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Phúc H4.

5. Buộc nhóm của chị Ngô Thị Tuyết M gồm: Chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Phúc H4 tổng cộng số tiền là 14.282.000 đồng.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

7. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản do các nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

8. Về án phí:

8.1. Buộc chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 714.100 đồng (làm tròn 714.000 đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai số 009102 ngày 16 tháng 11 năm 2011 (của Ngô Thị Tuyết M), biên lai số 009104 ngày 17 tháng 11 năm 2011 (của Ngô Thị Tuyết L) và biên lai số 009105 ngày 17 tháng 11 năm 2011 (của Ngô Thị Nu E). Chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 114.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

8.2. Buộc bà Lê Thị T1, chị Nguyễn Thị T5, anh Nguyễn Phúc H4, anh Lê Tuấn K, Lê Tuấn K1, anh Lê Nguyễn N1 (N1 địa), anh Đặng Bé T5 phải liên đới

nộp án phí dân sự sơ thẩm là 948.430 đồng (làm tròn 948.000 đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

8.3. Bà Lâm Thị C, anh Trần Văn T2, anh Nguyễn Văn T2 đều không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8.4. Chị Ngô Thị Tuyết M, chị Ngô Thị Tuyết L, chị Ngô Thị Nu E được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

9. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao